

26. Phường Nam Hoa Lư

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
A	TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH			
1	Đường Nguyễn Huệ	Ngã Tư Cầu Lim	Ngã 3 cầu Vũng Trắm	
1.1	Đoạn 1	Từ giao đường Hai Bà Trưng	Phía Bắc Cầu vượt	20.000
1.2	Đoạn 2	Phía Nam Cầu vượt	Ngã ba cầu Vũng Trắm	18.000
2	Đường 30 tháng 6	Cầu lim	Cầu Yên	
2.1	Đoạn 1	Ngã ba cầu Vũng Trắm	Cầu vòm	15.000
2.2	Đoạn 2	Công ty CP Dầu khí Ninh Bình (cây xăng Đại Dương cũ)	Cầu Yên	11.000
3	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngã Tư Cầu Lim	Hết địa phận xã Ninh Phúc	
3.1	Đoạn 1	Đường Lý Nhân Tông	Đường Phạm Bạch Hổ	20.000
3.2	Đoạn 2	Đường Phạm Bạch Hổ	Đường Trần Nhân Tông	15.000
4	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Huệ	Ngã Tư Phúc Lộc	
4.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	10.000
4.2	Đoạn 2	Đường Sát Phong Đoàn	Cầu Anh Trỗi	7.000
4.3	Đoạn 3	Cầu Anh Trỗi	Ngã Tư Phúc Lộc	5.000
5	Đường Lý Nhân Tông	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	
5.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Giáp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	15.000
5.2	Đoạn 2	Cầu Anh Trỗi	Lê Duẩn	8.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
5.3	Đoạn 3	Lê Duẩn	Đường Trần Nhân Tông	8.500
6	Đường Trần Nhân Tông	Đường 30 tháng 6	Cảng Ninh Phúc	
6.1	Đoạn 1	Đường 30 tháng 6	Giao đường đê sông đáy	10.000
6.2	Đoạn 2	Giao đường đê sông đáy	Cảng Ninh Phúc	8.000
7	Đường Phạm Thận Duật	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Trần Nhân Tông	
7.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	UBND phường Ninh Sơn cũ	7.800
7.2	Đoạn 2	UBND phường Ninh Sơn cũ	Đường Trần Nhân Tông	6.600
8	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Công Trứ	Cổng cảng công ty An Gia Bình	
8.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Trường MN Ninh Sơn	7.800
8.2	Đoạn 2	Trường MN Ninh Sơn	Đường Trần Nhân Tông	6.600
9	Đường Phạm Bạch Hổ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	
9.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường đôi trong khu đô thị Phong Sơn	10.000
9.2	Đoạn 2	Đường đôi trong khu đô thị Phong Sơn	Hết đường	7.000
9.3	Đoạn 3	Hết đường	Nghĩa Trang Mả Mụa đến Ngã Tư chợ Phúc Lộc	8.000
10	Đường Lê Duẩn			
10.1	Đoạn 1	Từ cầu Bông Lau	Trần Nhân Tông	10.000
11	Đường Nguyễn Văn Cừ			
11.1	Đoạn 1	Đường Hai Bà Trưng	Cầu vượt Ninh Phong	5.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
11.2	Đoạn 2	Cầu vượt Ninh Phong	Cầu Yên	7.000
12	Ngô Gia Tự			
12.1	Đoạn 1	Đường Hai Bà Trưng	Bắc Cầu Vượt	18.000
12.2	Đoạn 2	Nam Cầu Vượt	Cầu Vững Trăm	15.000
13	Đường 482C	Đường 30/6	Phường Đông Hoa Lư	3.000
14	Đường 1A			
14.1	Đoạn 1	Giáp cầu Yên	Cầu Vồ (Tây đường)	7.000
15	Đường Du lịch Tam Cốc Bích Động			
15.1	Đoạn 1	Từ cầu vòm	Bến xe Đồng Gùrng	8.000
15.2	Đoạn 2	Bến xe Đồng Gùrng	Cầu Chợ Ninh Hải	8.000
15.3	Đoạn 3	Cầu Chợ Ninh Hải	Chùa Bích Động	8.000
15.4	Đoạn 4	Đình Các	Đền Thái Vi	6.000
16	Đường ĐT 477 - Đường tránh thành phố Ninh Bình cũ			
16.1	Đoạn 1	Khách sạn GOLD Hotell	Cầu qua sông Hệ	6.000
16.2	Đoạn 2	Đê Đồng Vạn	Giáp đất Ninh Phong	5.000
17	Ninh An cũ			
17.1	Đường 1A đi Ninh Vân-Hệ Đường	Đường QL 1A	Đến Nhà máy phân lân	8.000
17.2		Hết Nhà máy phân lân	Giáp Ninh Vân (Đường mới)	5.000
18	Ninh Vân cũ			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
18.1	Đường 1A đi Ninh Vân - Hệ Dưỡng	Ranh giới giáp Ninh Vân - Ninh An	Ngã ba lương thực	5.000
18.2		Nhà máy xi măng Hệ Dưỡng	Giáp đất Ninh An	5.000
18.3	Đường ĐT 477 tránh TP Ninh Bình đoạn Vũ Xá Ninh Vân	Cổng Vân An (Vũ Xá)	Đường vào nhà máy xi măng Duyên Hà	5.000
19	Ninh Thăng cũ			
19.1	Khu dân cư Đồng Đốt, Cửa Đình	Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (Đường 19m)	5.000
19.2		Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (Đường 12m + 15m)	4.000
19.3		Các đường xương cá trong khu đầu giá		3.000
B	KHU DÂN CƯ PHƯỜNG			
I	Phường Ninh Phong cũ			
1	Khu dân cư dãy trong Đường Nguyễn Huệ	Phố Tương Lai	Phố Đoàn Kết	8.000
	Các lô phía Tây Đường Nguyễn Huệ	Các lô phía Tây Đường Nguyễn Huệ bám mặt đường sông Vân		5.000
2	Ngõ 704 đường 30/6 (Đường trục phố Vân Giang)	Từ số nhà 704	Nhà máy nước sạch Vân Giang	4.000
3	Các ngõ phố Vân Giang			3.000
4	Ngõ 178 Đường Hai Bà Trưng	Ngã tư Phúc Lộc	Đường Lê Duẩn	5.000
		Đường Lê Duẩn	Chùa Phúc Lộc	4.000
5	Ngõ 1 đường 30/6	Đường 30/6	Cầu Đức thế	4.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
6	Ngõ 127 (ngõ 85 cũ) Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đầu Phố Phúc Lai	3.000	
7	Ngõ 3 đường Lý Nhân Tông	Cầu Đức Thế	SN 04 phố Đức Thế (nhà ông Luân)	2.800	
8	Khu dân cư 65 lô An Hòa	Trạm biến thế An Hòa	Đường bê tông	4.500	
9	Khu dân cư dân cư phía Tây đường Vành Đai (Trần Nhân Tông)				
9.1	Tuyến đường gom Đường Trần Nhân Tông			13.900	
9.2	Các lô phía Nam bóm đường 20,5m			15.700	
9.3	Các tuyến đường còn lại			13.000	
10	Khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường Ninh Phong cũ				
10.1	Tuyến đường Lý Nhân Tông			22.100	
10.2	Tuyến đường 20,5m			15.700	
10.3	Tuyến đường 18,5m			14.600	
10.4	Các tuyến đường còn lại			13.000	
11	Khu dân cư mới phía Tây đường Lý Nhân Tông, phường Ninh Phong cũ				
11.1	Tuyến đường Lý Nhân Tông			22.100	
11.2	Tuyến đường 24m			17.100	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
11.3	Tuyến đường 20,5			15.700	
11.4	Tuyến đường 18,5m			14.600	
11.5	Các tuyến đường còn lại			13.000	
12	Khu dân cư phía Nam phố Đức Thế, phường Ninh Phong cũ				
12.1	Tuyến đường Lý Nhân Tông			18.500	
12.2	Tuyến đường 40m theo quy hoạch			16.600	
12.3	Tuyến đường 30m theo quy hoạch			13.100	
12.4	Tuyến đường 27m theo quy hoạch			13.100	
12.5	Các tuyến đường còn lại bên trong			10.600	
13	Khu dân cư Phong Đoàn				
13.1		Đường Hai Bà Trưng	Cầu vượt	5.000	
13.2	Các lô đất bám đường trục Bắc Nam	Đường Lê Duẩn	Hai Bà Trưng	8.000	
13.3	Các lô bám mặt đường phía trong KDC Phong Đoàn I+II			6.000	
13.4	Các lô đất KDC cũ Phong Đoàn			4.000	
14	Khu dân cư An Hòa				
14.1	<i>Khu dân cư An Hòa 1</i>				
14.1.1	Các lô đất bám phía giáp phía Nam cụm công nghiệp, đường 24m			8.000	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
14.1.2	Các lô mặt bóm đường Tàu (Nguyễn Văn Cừ) Đường 15m			8.000	
14.1.3	Các lô Bóm mặt đường 20,5m			10.000	
14.1.4	Các lô thuộc tuyến đường còn lại			8.000	
14.2	<i>Khu dân cư An Hòa 2</i>				
14.2.1	Các lô đất bóm phía giáp phía Nam cụm công nghiệp, đường 24m			8.000	
14.2.2	Các lô mặt bóm đường 17m			8.000	
14.2.3	Các lô Bóm mặt đường 20,5m			10.000	
15	Đất khu dân cư còn lại			2.000	
II	Phường Ninh Sơn cũ				
1	Ngõ 466,488 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 1,2 phố Thanh Bình)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đình Tiên Hoàng cũ)	Hết Ngõ	5.000	
2	Nghách 2,4,8 thuộc ngõ 466 Đường Nguyễn Công Trứ (Các ngõ thuộc đường 1 phố Thanh Bình cũ)			4.500	
3	Nghách 2,3,6,10,13 thuộc ngõ 488 Đường Nguyễn Công Trứ (Các ngõ thuộc đường 2 phố Thanh Bình cũ)			4.500	
4	Ngõ 914 đường Nguyễn Công Trứ (Đường Đông Thịnh cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết Ngõ	5.000	
5	Khu dân cư Chùa Châm, Tây Đường Vành đai			5.000	
6	Khu dân cư Giếng Mỹ, Vườn Am			5.000	
7	Ngõ 522 Nguyễn Công Trứ (Các ngõ dọc cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Nhà ông Thịnh	4.000	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
8	Ngõ 548; 594; 632; 656; 688; 704; 754; 822; 860 Nguyễn Công Trứ (Các ngõ dọc cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	4.000	
9	Ngõ 57, 83, 141, 171, 189, 217, 249, 287, 319, 367, 381, 391, 399, 425, 465, 483, 503, 539, 565, 585 (Các ngõ ngang cũ)	Đường Phạm Thận Duật	Đường Nguyễn Quang Khải	3.000	
10	Ngõ 47; 333; 345; 361 Đường Phạm Thận Duật (ngõ ngang cũ)	Đường Phạm Thận Duật	Hết Ngõ	3.000	
11	Ngõ 51 đường Trần Quang Khải (khu DC Bắc Thịnh cũ)			3.000	
12	Đất khu dân cư các phố Thượng Lân, Bích Đào, Phong Đào, Bắc Thịnh			3.000	
13	Khu DC Dọc Bồng, Miếu Cậy			3.000	
14	Khu dân cư phía Nam, phía Bắc trụ sở UBND Phường Ninh Sơn			4.000	
15	Các Đường phố phía trong khu đô thị mới Phong Sơn			7.000	
16	Đường tuyến T29			6.000	
17	Khu dân cư Vườn Trên	Tuyến đường Trần Quang Khải		18.500	
		Các tuyến đường còn lại		12.000	
18	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư dân cư Tây Vành Đại (Trần Nhân Tông)	Tuyến đường gom đường Trần Nhân Tông		13.900	
		Các tuyến đường còn lại		10.300	
19	Ngõ 942 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	8.000	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
20	Ngõ 93, 141, 177, 221, 251 Đường Trần Quang Khải	Đường Trần Quang Khải	Hết ngõ	3.000	
21	Khu dân cư phía nam đường Trần Nhân Tông	Tuyến đường gom đường Trần Nhân Tông		13.900	
		Các tuyến đường còn lại		10.300	
22	Khu dân cư phía Nam phố Thượng Lân			7.000	
23	Khu dân cư phía Tây đường Phạm Thận Duật			5.000	
24	Khu dân cư còn lại			2.000	
III	Ninh Vân cũ				
1	Trục Đường xã	Ngã ba Lương thực (Đồng Quan)	Hết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	2.000	
		Hết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	Cổng nhà máy XM Hệ Dưỡng	2.000	
		Ngã ba Lương Thực (Đồng Quan)	Ngã tư (cửa đền Vũ Xá)	1.400	
		Ngã tư (cửa đền Vũ Xá)	Ngã tư Chiến Mùi (Hệ)	1.400	
		Ngã tư Chiến Mùi (Hệ)	Hết trại giam Ninh Khánh	1.200	
		Ngã ba ông Hiền (Đồng Quan)	Ngã ba ông Hữu (Xuân Thành)	1.200	
		Ngã ba ông Huyền (Xuân Phúc)	Ngã 5 (thôn Thượng)	1.200	
		Ngã 5 (thôn Thượng)	Nhà ông Ban (Phú Lăng)	1.200	
		Ngã 5 (thôn Thượng)	Bờ Hồ XM Hệ Đường	1.200	
		Ngã ba ông Dẫn (thôn Thượng)	Chợ Hệ	1.200	
		Chợ Hệ	Ngã 3 ông Đạt (Dưỡng Thượng)	1.100	
		Cổng nhà máy XM Duyên Hà	Mỏ Dứa (Ga Gềnh)	1.100	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
		Cầu Bến Đang	Cổng 2 nhà máy XM Duyên Hải	3.000	
		Ngã tư (cửa đến Vũ Xá)	Ngã 3 ông Tân (Chấn Lữ)	1.200	
		Ngã 3 ông Tân (Chấn Lữ)	Ngã 4 Cổng Núi Am (thôn Thượng)	1.200	
		Ngã 4 Cổng Núi Am (thôn Thượng)	Ngã 4 ông Bồng (thôn Hệ)	1.100	
		Ngã 4 ông Bồng (thôn Hệ)	Ngã 4 ông Lương (thôn Hệ)	1.200	
		Ngã 4 ông Lương (thôn Hệ)	Nhà Văn hóa (thôn Tân Dưỡng 2)	1.200	
2	Khu dân cư còn lại	Khu dân cư thôn Xuân Phúc, Xuân Thành, Đông Quan, Tân dưỡng I, Tân dưỡng II		1.100	
		Khu dân cư thôn Vũ xá, Chấn lữ, Thôn thượng, Phú Lăng, Vạn Lê, Hệ, Dưỡng hạ, Dưỡng thượng		800	
3	Khu dân cư Cổng Tu - Vũ Xá			4.200	
4	Khu dân cư Đồng Bề - Phú Lăng			8.200	
5	Khu dân cư Thôn Xuân Phúc (đầu giá năm 2022)			4.000	
6	Khu tái định cư Đồng Bề trong			3.500	
IV	Ninh An cũ				
1	Trục Đường xa	QL1A	Giáp N. Vân (Đê sông Vó)	3.000	
		Các đường xương cá trong khu đầu giá (đê sông Vó)		2.000	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
		Trục đường phố Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		1.800	
		Trục đường phố Đông Thịnh, Đông Hội		1.800	
2	Đường Cán cò	QL1A	Đến cổng xã	2.500	
		Cổng xã	Trạm bơm Đò Chủ	2.500	
3	Khu dân cư	Khu dân cư thôn Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		1.500	
		Khu dân cư thôn Đông Thịnh, Đông Hội		1.500	
		Khu dân cư Mạ Đồng phố Đông Hội		2.000	
4	Khu Tái định cư Đông Hội, Đông Thịnh (trục đường trong khu tái định cư)			3.000	
V	Ninh Thắng cũ				
1	Đường trục xã (Đường du lịch cũ)	Giáp đất Ninh Phong	Cổng Khai Hạ	2.000	
		Cây đa Ninh Thắng	Chùa Khả Lương	3.000	
		Chùa Khả Lương	Giáp Ninh Xuân	1.500	
		Đường du lịch cũ	Bến đò Hành Cung	2.500	
		Đường quai Vạc	Sông Hộ	1.800	
		Đường du lịch mới	Bến đò Tuân Cáo	1.500	
		Đường bê tông ông Long đội 4	Vườn tằm Khả Lương	1.500	
		Trạm y tế xã	Kênh cấp II Đông Cửa	1.800	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	
		Từ	Đến		
2	Khu dân cư còn lại			1.300	
3	Đất ở thuộc các thung			800	
VI	Ninh Hải cũ				
1	Trục Đường xã	Ngã ba ông Nhật	Cổng trường cấp I	1.500	
		Ngã ba ông Nam	Hết nghĩa trang cũ	1.500	
		Nghĩa trang cũ	Hết Chùa Sở đỏ Xước	1.500	
		Ngã ba chùa Bích Động	Trạm bơm Hải Nham	1.500	
2	Khu dân cư	Phố Văn Lâm		1.500	
		Ven núi Phố Văn Lâm		1.300	
		Phố Hải Nham		1.100	
		Phố Khê Ngoài, Còi Khê, Khê Trong		1.100	
3	Đất ở thuộc các thung			1.000	
4	Mặt Đường trục xã khu dân cư Khê Trong - Khê Ngoài (Khu đấu giá)			6.000	
5	Các đường còn lại trong Khu dân cư Khê Trong - Khê Ngoài (khu đấu giá)			4.000	